

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/DS-ST

Ngày: 22/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Thống và ông Nguyễn Lập Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 22/8/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/DS-ST ngày 19/5/2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2022/QĐXXST-DS ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2022/QĐST-DS ngày 10/8/2022 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Xuân T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: T2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Ngọc D, sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: số 08A đường N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 26 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc D trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 01/4/2022 cá nhân bà Võ Thị Kim L có hỏi vay bà T số tiền 760.000.000đ (Bảy trăm sáu mươi triệu đồng) khi vay hai bên có viết giấy vay mượn và bà L có hẹn đến ngày 10/4/2022 sau khi đáo hạn xong sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho bà T.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng không thấy bà L có bất kì động thái nào về việc trả tiền, bà T có liên hệ bà L yêu cầu bà L thanh toán khoản tiền đã vay nhưng

bà L bảo không trả mà khát hết lần này đến lần khác, hiện nay bà T đang gặp khó khăn trong việc thu hồi khoản nợ trên.

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của bản thân, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Võ Thị Kim L trả cho nguyên đơn bà T số tiền 760.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất chậm trả tính từ ngày 11/04/2022 đến ngày khởi kiện khoảng 3.360.000đ (Ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Ngoài ra đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi cho đến khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Võ Thị Kim L trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên cá nhân bà đã nhiều lần vay tiền của bà Trịnh Xuân T để làm ăn riêng từ năm 2021 lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000đ/triệu/ngày. Việc vay tiền giữa bà và bà T do bà tự thực hiện và sử dụng số tiền này vì mục đích làm ăn riêng, không liên quan đến ai khác. Đến ngày 01/4/2022 bà có viết và ký Giấy mượn tiền để chốt nợ với bà T, theo đó bà còn nợ bà T số tiền gốc là 760.000.000 đồng, không ghi thỏa thuận về lãi suất nhưng thỏa thuận miệng là 2.000đ/triệu/ngày, hẹn đến ngày 10/4/2022 bà sẽ trả trước số tiền 100.000.000 đồng cho bà T. Đến thời hạn trả nợ thì bà chưa trả cho bà T nên bà có viết thêm dưới giấy mượn tiền nội dung là hẹn đến ngày 25/4/2022 sẽ trả bớt 100.000.000 đồng nhưng do làm ăn khó khăn nên bà vẫn chưa thực hiện cam kết này được.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu cá nhân bà trả số tiền 760.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất chậm trả tính từ ngày 11/04/2022 đến ngày khởi kiện là 3.360.000đ và lãi suất phát sinh đến khi bà trả xong nợ thì bà đồng ý về số nợ gốc, về lãi suất bà xin được miễn do kinh tế gặp khó khăn. Do bà không có khả năng trả nợ ngay như nguyên đơn yêu cầu nêu trên nên bà xin trả dần số nợ trên cho bà T. Thời hạn và phương thức trả nợ: Bắt đầu từ tháng 9 năm 2022 trả dần mỗi tháng số tiền là 20.000.000 đồng đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà L phải trả tiền vay và lãi suất, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với khoản vay:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 01/4/2022 nguyên đơn bà Trịnh Xuân T cho bà Võ Thị Kim L vay số tiền 760.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 10/4/2022 sau khi đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả toàn bộ số nợ trên cho bà T. Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì bị đơn bà L không trả được nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số nợ 760.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà L xác định có quan hệ vay nợ của bà T từ năm 2021 cho đến ngày 01/4/2022 thì bà có viết và ký giấy mượn tiền để chốt nợ với bà T số tiền 760.000.000 đồng, chữ ký chữ viết trong giấy mượn tiền do bà T cung cấp là do bà viết và ký ra. Trong giấy vay không ghi lãi suất nhưng thỏa

thuận miệng là 2.000đ/triệu/ngày. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên bà L xin trả dần cho bà T mỗi tháng là 20.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ nhưng phía bà T không đồng ý và yêu cầu bà L trả toàn bộ số nợ trên cho bà T và lãi suất kể từ ngày bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy nguyện vọng của bà L xin trả dần cho bà T nhưng không được phía bà T chấp nhận nên cần buộc bà L trả cho bà T số tiền 760.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ.

[3] *Về lãi suất:*

Căn cứ vào giấy vay tiền, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 10/4/2022, đến ngày này bên vay là bà Võ Thị Kim L không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Do đó, nguyên đơn bà Trịnh Xuân T yêu cầu bà Võ Thị Kim L tính lãi từ ngày vi phạm là ngày 11/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

760.000.000 đồng tính lãi kể từ ngày 11/4/2022 đến ngày xét xử 22/8/2022 là 4 tháng 11 ngày, số tiền lãi là: 760.000.000 đồng x 10%/năm x 4 tháng 11 ngày = 25.232.000 đồng.

Như vậy, bà Võ Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Xuân T tổng số tiền gốc và lãi là:

Tiền gốc 760.000.000 đồng + tiền lãi 25.232.000 đồng = 785.232.000 đồng

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Kim L phải trả cho bà Trịnh Xuân T số tiền 785.232.000 đồng, trong đó nợ gốc là 760.000.000 đồng và 25.232.000 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn bà Trịnh Xuân T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn bà Võ Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính:
20.000.000 đồng + 4% (785.232.000 đ – 400.000.000đ) = 35.409.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Xuân T.

Buộc bà Võ Thị Kim L phải trả cho bà Trịnh Xuân T số tiền 785.232.000 đồng, trong đó nợ gốc là 760.000.000 đồng và 25.232.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kim L phải chịu 35.409.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Xuân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 17.267.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông D đã nộp thay bà T theo biên lai số AA/2021/0012844 ngày 09/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp B;
- Chi cục THADS Tp B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

